

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2017

V/v: “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Ông Hoàng Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vương-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1987, địa chỉ: Đội H, thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-5-2017, Bản tự khai ngày 13-6-2017, Biên bản hòa giải ngày 13-7-2017 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là Ủy ban nhân dân phường T), thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10-9-2012. Sau kết hôn vợ chồng sống với nhau ở bên phía chồng, bà làm nghề may, còn ông H làm nghề thợ hồ. Vợ chồng sống chung trong khoảng thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường uống rượu, ít khi đi làm, thiếu trách nhiệm với vợ, con, không phụ giúp vợ để lo hạnh phúc gia đình, đôi khi còn đánh bà, nhiều lần bà ôm con bỏ về nhà mẹ đẻ để ở, hai bên gia đình khuyên ngăn ông H nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi. Vợ, chồng không sống

với nhau từ tháng 04 năm 2017(Âm lịch) cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01-4-2015 hiện đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu giao cháu K cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Nhưng ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì bà đồng ý.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng tài sản.

Tại Bản trình bày ý kiến ngày 28-6-2017, Biên bản hòa giải ngày 13-7-2017 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về đăng ký kết hôn ông thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị B. Trong quá trình chung sống ông có hay uống rượu, bia, nóng tính có lúc đối xử không đúng với bà B. Mỗi lần như vậy bà B thường hay ôm con bỏ nhà đi. Hiện nay ông rất thương con nên không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01-4-2015 hiện đang ở với bà B. Ông không đồng ý ly hôn, mong muốn được nuôi con. Nếu vợ chồng ly hôn ông tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng tài sản gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01-4-2015 hiện đang sống với bà B cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn H cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 800.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn, ông Nguyễn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là Ủy ban nhân dân phường T), thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10-9-2012 là hợp pháp. Vợ chồng chung sống có 01 con chung. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông H thường uống rượu, ít khi đi làm, thiếu trách nhiệm với vợ, con, không phụ giúp vợ để lo hạnh phúc gia đình, nhiều lần bà B ôm con bỏ về nhà mẹ đẻ để ở, hai bên gia đình khuyên can

ông H nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi, đôi khi còn đánh bà B, bức xúc bà B ôm con về nhà cha mẹ để ở và đi làm kiếm tiền nuôi con từ tháng 4 năm 2017(Âm lịch) đến nay. Từ đó bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn với ông H. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà B chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B, tuyên xử bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn H (Bút lục số: 26, 31).

[2] Về con chung: Bà B và ông H có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01-4-2015, hiện đang ở với bà B, tinh thần và thể chất của cháu K vẫn phát triển tốt. Bà B làm thợ may có thu nhập ổn định, cháu K dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của mẹ để bảo đảm sự phát triển của con. Do đó, giao cháu K cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014(Bút lục số: 25). Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, bà B đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông H.

[3] Về tài sản chung: Bà B, ông H đều trình bày không có.

[4] Về nợ chung: Bà B, ông H đều trình bày không có và vợ chồng không cho ai vay mượn tài sản.

[5] Về án phí sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà B phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng. Ông Nguyễn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn H.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn H có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01-4-2015, hiện đang ở với bà B, giao cháu Nguyễn Đăng K cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn H cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng

800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn H đều trình bày không có, nên không giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn H đều trình bày không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, nên không giải quyết.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà B đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0004750 ngày 08-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Nguyễn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

6/ Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND phường T, TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trà Thanh Tùng